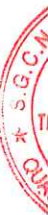




KPMG'S COPY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Hoạt động Chứng khoán số	73/UBCK-GP	ngày 18 tháng 12 năm 2007
	109/QĐ-UBCK	ngày 27 tháng 2 năm 2009
	218/QĐ-UBCK	ngày 8 tháng 4 năm 2009
	411/QĐ-UBCK	ngày 10 tháng 7 năm 2009
	65/QĐ-UBCK	ngày 28 tháng 1 năm 2010
	23/GPĐC-UBCK	ngày 6 tháng 4 năm 2011
	35/GPĐC-UBCK	ngày 12 tháng 8 năm 2013

Giấy phép Hoạt động Chứng khoán đầu tiên và các giấy phép điều chỉnh do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Hữu Hiếu	Chủ tịch
	Ông Vũ Hoài Linh	Thành viên
	Ông Moon Kyung Kang	Thành viên
	Ông Byoung Youb Jeon	Thành viên
	Ông Seong Moon Jeong	Thành viên

Tổng Giám đốc Ông Woo Young Ki

Trụ sở đăng ký

Trụ sở chính 91 Pasteur, Phường Bến Nghé
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội Tầng 4, Tòa nhà Phương Nam Bank
27 Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 43 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Tổng Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2015



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành 24 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 43.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 14-01-193/5



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Hưng

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 2206-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2015

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 - CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		287.558.055.658	309.292.895.448
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	121.403.503.655	150.115.053.286
Tiền	111		41.301.003.655	56.327.053.286
Các khoản tương đương tiền	112		80.102.500.000	93.788.000.000
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	132.451.828.330	120.226.485.528
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		132.505.742.955	120.288.154.258
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(53.914.625)	(61.668.730)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		32.881.802.718	38.224.062.382
Trả trước cho người bán	132		-	29.472.979
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	135	7	25.748.059.069	29.838.766.305
Các khoản phải thu khác	138	8	7.133.743.649	8.355.823.098
Tài sản ngắn hạn khác	150		820.920.955	727.294.252
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		742.800.908	660.294.253
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.449.897	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		71.670.150	66.999.999
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 260)	200		8.324.961.797	9.898.791.621
Tài sản cố định	220		4.093.654.784	5.650.222.732
Tài sản cố định hữu hình	221	9	1.190.561.954	1.029.100.980
Nguyên giá	222		12.683.144.366	11.970.104.366
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.492.582.412)	(10.941.003.386)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.903.092.830	4.621.121.752
Nguyên giá	228		7.521.375.340	7.484.375.340
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.618.282.510)	(2.863.253.588)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	572.618.000	572.618.000
Đầu tư dài hạn khác	258		572.618.000	572.618.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tài sản dài hạn khác	260		3.658.689.013	3.675.950.889
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.355.849.660	1.384.266.740
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	263	12	1.567.158.026	865.992.296
Tài sản dài hạn khác	268	13	735.681.327	1.425.691.853
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		295.883.017.455	319.191.687.069
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		40.455.086.718	58.988.069.412
Nợ ngắn hạn	310		40.407.719.809	58.928.182.412
Phải trả người bán	312		62.940.000	1.113.544.500
Thuế phải nộp Nhà nước	314	14	407.268.957	323.020.801
Chi phí phải trả	316	15	1.334.426.715	1.174.347.025
Các khoản phải trả khác	319	16	177.504.249	233.498.859
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	17	38.425.579.888	56.083.771.227
Nợ dài hạn	330		47.366.909	59.887.000
Dự phòng – dài hạn	337		47.366.909	59.887.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400	18	255.427.930.737	260.203.617.657
Vốn chủ sở hữu	410		255.427.930.737	260.203.617.657
Vốn cổ phần	411	19	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	415		11.875.117	11.875.117
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	418		11.875.117	11.875.117
Lỗi lũy kế	420		(44.595.819.497)	(39.820.132.577)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		295.883.017.455	319.191.687.069

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán			
5. Ngoại tệ các loại	005	3.415.932	3.726.738
6. Chứng khoán lưu ký	006	8.758.440.270.000	8.198.435.440.000
Trong đó:			
6.1 <i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	8.716.577.340.000	8.161.343.670.000
6.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	208.820.000	199.510.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	257.259.550.000	153.740.240.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	8.459.108.970.000	8.007.403.920.000
6.2 <i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	-	-
6.2.1 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013	-	-
6.2.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	-	-
6.2.3 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng nước ngoài	015	-	-
6.4 <i>Chứng khoán nắm giữ tạm thời</i>	022	151.000.000	194.800.000
6.4.2 Chứng khoán nắm giữ tạm thời của khách hàng trong nước	024	151.000.000	194.800.000
6.5 <i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	3.901.800.000	9.715.700.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	1.596.200.000	9.415.700.000
6.5.3 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030	2.305.600.000	300.000.000
6.7 <i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	52.800.000	588.250.000
6.7.1 Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	90.000	150.000
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	52.110.000	441.220.000
6.7.3 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	600.000	146.880.000
6.8 <i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042	37.757.330.000	20.515.960.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	37.757.330.000	20.515.960.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – CTCK

	Mã số	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
7. Chứng khoán lưu ký chưa niêm yết	050	6.068.600.000	6.077.060.000
Trong đó:			
7.1 Chứng khoán giao dịch	051	6.068.600.000	6.077.060.000
7.1.1 Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	2.160.000	2.250.000
7.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	2.992.760.000	2.856.130.000
7.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	3.073.680.000	3.218.680.000

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – CTCK

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		28.898.890.082	29.396.005.583
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán			7.661.323.894	6.733.251.293
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			14.776.770	18.860.915
Doanh thu dịch vụ tư vấn			-	50.000.000
Doanh thu từ lưu ký chứng khoán			397.986.685	286.770.699
Doanh thu khác		20	20.824.802.733	22.307.122.676
Chi phí hoạt động	11		17.002.372.672	25.005.716.138
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		11.896.517.410	4.390.289.445
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.415.087.892	18.731.265.984
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 25)	30		(4.518.570.482)	(14.340.976.539)
Thu nhập khác		31	6.984.795	5.435.507
Chi phí khác		32	264.101.233	54.953.256
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(257.116.438)	(49.517.749)
Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.775.686.920)	(14.390.494.288)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	21	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(4.775.686.920)	(14.390.494.288)

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – CTCK

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(4.775.686.920)	(14.390.494.288)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	2.306.607.948	2.152.868.579
Các khoản dự phòng	03	(7.754.105)	2.661.570
Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng	05	(16.188.164.423)	(19.910.739.000)
Tiền lãi từ hoạt động ứng trước cho khách hàng	05	(660.500.923)	(239.299.036)
Tiền lãi từ hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ	05	(3.625.878.193)	(2.157.084.640)
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	-	52.613.000
Lợi nhuận từ các hoạt động mua bán chứng khoán	05	(11.027.937)	-
Chi phí lãi vay	06	265.627.843	70.465.109
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	(22.696.776.710)	(34.419.008.706)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	3.928.832.023	(17.592.584.554)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(18.532.982.694)	23.492.495.827
Biến động chi phí trả trước	12	(54.089.575)	625.153.261
		(37.355.016.956)	(27.893.944.172)
Tiền lãi vay đã trả	13	(265.627.843)	(70.465.109)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	92.691.688
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(37.620.644.799)	(27.871.717.593)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(750.040.000)	(2.065.940.100)
Tiền chi cho tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(12.300.000.000)	(62.400.000.000)
Tiền chi mua các khoản đầu tư	25	(46.847.560)	(18.280.850)
Tiền thu từ việc bán các khoản đầu tư	26	140.286.800	-
Tiền thu lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng	27	17.360.870.354	14.127.981.472
Tiền thu lãi từ khoản ứng trước cho khách hàng	27	661.514.565	236.362.394
Tiền thu lãi từ các khoản cho vay giao dịch ký quỹ	27	3.843.311.009	2.110.909.510
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	8.909.095.168	(48.008.967.574)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

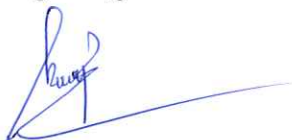
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – CTCK

	Mã số	2014 VND	2013 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ vay ngắn hạn	33	140.160.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(140.160.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(28.711.549.631)	(75.880.685.167)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	150.115.053.286	225.995.738.453
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 5)	70	121.403.503.655	150.115.053.286

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:



Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:



Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 09 – CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, dịch vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán và dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 32 nhân viên (31/12/2013: 41 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư mà những khoản tiền này được hạch toán riêng biệt với số dư tài khoản tại ngân hàng của Công ty.

(c) Chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán thương mại.

Đầu tư dài hạn khác là các khoản vốn góp mà Công ty dự định nắm giữ hơn một năm.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận chứng khoán thương mại và các khoản đầu tư dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đo lường

Chứng khoán thương mại đã niêm yết được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày báo cáo.

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng được tự do mua bán trên thị trường phi tập trung (“thị trường OTC”) được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá bằng cách tham khảo giá giao dịch được cung cấp bởi ba công ty chứng khoán thỏa mãn yêu cầu có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND tại ngày báo cáo.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Chứng khoán thương mại chưa niêm yết nhưng không được tự do mua bán trên thị trường OTC và các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo nguyên giá, trừ đi dự phòng giảm giá dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc.

Sau khi khoản dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng này sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Nguyên giá chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Chấm dứt ghi nhận

Chứng khoán thương mại và đầu tư dài hạn khác được chấm dứt ghi nhận khi các quyền được nhận các luồng tiền từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản ứng trước cho khách hàng trong các hoạt động giao dịch chứng khoán, khoản cho vay giao dịch ký quỹ, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa trên tình trạng nợ quá hạn hoặc các khoản lỗ dự kiến đối với các khoản nợ chưa đến hạn có thể phát sinh khi một tổ chức kinh tế phá sản hoặc giải thể; hoặc bên mượn nợ mất tích, bỏ trốn, bị truy tố, đi tù, đang bị xét xử, được hưởng án treo hoặc đã qua đời.

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên tình trạng nợ quá hạn được lập theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tình trạng nợ quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (01) đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

Dự phòng phải thu khó đòi dựa trên lỗ dự kiến của các khoản nợ chưa đến hạn được lập dựa trên quyết định của Tổng Giám đốc sau khi xem xét khả năng thu hồi của các khoản nợ này.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ dụng cụ văn phòng	4 năm
▪ phương tiện vận chuyển	4 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 4 năm.

(g) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn

Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 38 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác chủ yếu bao gồm chi phí nâng cấp tài sản thuê được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm và các chi phí khác được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình theo Điều 3 của Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 3 năm kể từ ngày phân loại lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Dự phòng trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí nhân viên trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(j) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các khoản cho vay và phải thu;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày báo cáo, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(m) Dự trữ bắt buộc

Theo Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 1 tháng 2 năm 2000 do Bộ Tài chính ban hành, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn cổ phần

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch chứng khoán của khách hàng được thực hiện.

(ii) Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (đối với các chứng khoán đã niêm yết) và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất (đối với các chứng khoán chưa niêm yết).

(iii) Doanh thu từ dịch vụ tư vấn

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tương ứng với mức độ hoàn tất giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Mức độ hoàn tất của giao dịch được ước tính dựa trên tham chiếu bảng khảo sát các công việc đã thực hiện.

(iv) Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn chủ yếu phản ánh thu nhập lãi tiền gửi tại các ngân hàng. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trên cơ sở dồn tích.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

(q) Số dư bằng không

Các khoản mục hoặc số dư quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán mà không được phản ánh trên báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

4. Khối lượng và giá trị giao dịch trong năm

	Khối lượng giao dịch		Giá trị giao dịch	
	2014	2013	2014 VND	2013 VND
a) Công ty Cổ phiếu	1.277	1.235	18.477.210	18.031.590
b) Nhà đầu tư/ khách hàng				
Cổ phiếu	239.168.511	188.138.518	4.332.587.816.900	3.459.768.610.200
Trái phiếu	29.046.644	59.550.000	3.079.631.223.639	6.342.509.000.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	268.216.432	247.689.753	7.412.237.517.749	9.802.295.641.790

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	7.509.500	5.542.500
Tiền gửi ngân hàng	41.293.494.155	56.321.510.786
<i>Trong đó: Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư</i>	<i>38.425.579.888</i>	<i>56.083.771.227</i>
Các khoản tương đương tiền	80.102.500.000	93.788.000.000
	<hr/>	<hr/>
	121.403.503.655	150.115.053.286

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có số ngoại tệ xấp xỉ 3.415.932 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.726.738 VND).

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

6. Các khoản đầu tư

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị số sách		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Giá trị thị trường	
	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014
I. Chứng khoán thương mại (i)	12.107	11.180	205.742.955	288.154.258	69.655.680	33.266.195	53.914.625	61.668.730	221.484.010	259.751.723		
Cổ phiếu niêm yết	12.107	10.180	205.742.955	186.902.195	69.655.680	33.266.195	53.914.625	61.668.730	221.484.010	158.499.660		
ACB	1.453	1.449	39.759.720	39.700.320	-	-	17.383.520	17.095.920	22.376.200	22.604.400		
PVX	696	646	8.367.400	8.209.900	-	-	5.026.600	6.271.900	3.340.800	1.938.000		
PGT	665	665	2.158.050	2.158.050	1.964.950	2.031.450	-	-	4.123.000	4.189.500		
VCG	492	414	8.021.800	7.253.900	-	-	1.773.400	3.072.500	6.248.400	4.181.400		
PLC	425	302	7.349.420	5.370.500	5.400.580	156.100	-	-	12.750.000	5.526.600		
TCT	360	90	7.146.000	7.146.000	19.638.000	8.064.000	-	-	26.784.000	15.210.000		
PVS	349	292	5.896.950	4.434.900	3.491.150	1.492.700	-	-	9.388.100	5.927.600		
PVB	300	300	1.561.500	1.561.500	178.500	-	-	481.500	1.740.000	1.080.000		
VSP	280	280	8.225.000	8.225.000	-	-	7.721.000	7.805.000	504.000	420.000		
SHB	249	156	1.734.510	922.980	282.390	153.420	-	-	2.016.900	1.076.400		
PVC	210	205	2.787.850	2.641.600	2.483.150	330.900	-	-	5.271.000	2.972.500		
PVI	177	177	3.333.230	3.333.230	-	-	182.630	129.530	3.150.600	3.203.700		
PVR	166	166	859.840	859.840	-	-	262.240	278.840	597.600	581.000		
Khác	6.285	5.038	108.541.685	95.084.475	36.216.960	21.037.625	21.565.235	26.533.540	123.193.410	89.588.560		
Trái phiếu TD1114053	-	1.000	-	101.252.063	-	-	-	-	-	101.252.063		
II. Đầu tư ngắn hạn khác			132.300.000.000	120.000.000.000	-	-	-	-	132.300.000.000	120.000.000.000		
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng (ii)	N/A	N/A	132.300.000.000	120.000.000.000	-	-	-	-	132.300.000.000	120.000.000.000		
			132.505.742.955	120.288.154.258	69.655.680	33.266.195	53.914.625	61.668.730	132.521.484.010	120.259.751.723		

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị số sách		Tăng		So với giá trị trường		Giảm		Giá trị thị trường		
	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014	Số dư đầu năm 1/1/2014	Số dư cuối năm 31/12/2014
III. Đầu tư dài hạn khác	N/A	N/A	572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	-	-	-	N/A	N/A
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (iii)	N/A	N/A	572.618.000	572.618.000	-	-	-	-	-	-	-	N/A	N/A

(i) Chứng khoán thương mại thể hiện các chứng khoán lô lẻ Công ty mua từ nhà đầu tư.

(ii) Khoản này phản ánh tiền gửi có kỳ hạn mười hai tháng tại các ngân hàng tại Việt Nam. Các khoản tiền gửi này sẽ đáo hạn vào ngày 7 tháng 5 năm 2015.

(iii) Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) (“Mirae Asset Realty”) là một công ty TNHH được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 411022000515 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22 tháng 4 năm 2010. Các hoạt động chính của Mirae Asset Realty là cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản. Đầu tư của Công ty chiếm 14,99% trong tổng vốn điều lệ của Mirae Asset Realty. Khoản đầu tư này được phản ánh trong báo cáo tài chính này theo nguyên giá. Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này (Thuyết minh 23(e)).

Biến động dự phòng giảm giá chứng khoán thương mại trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	61.668.730	59.007.160
Tăng dự phòng trong năm	14.792.815	19.237.133
Hoàn nhập	(22.546.920)	(16.575.563)
Số dư cuối năm	53.914.625	61.668.730

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

7. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động giao dịch chứng khoán (i)	768.601.067	2.045.238.707
Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ (ii)	24.892.578.994	27.793.527.598
Phải thu khác từ khách hàng	86.879.008	-
	<hr/>	<hr/>
	25.748.059.069	29.838.766.305
	<hr/>	<hr/>

- (i) Các khoản tạm ứng cho khách hàng trong hoạt động giao dịch chứng khoán chịu lãi suất là 0,04%/ngày và trong năm các khoản tạm ứng này có kỳ hạn ban đầu từ 1 đến 3 ngày (2013:0.05%).
- (ii) Các khoản cho vay giao dịch ký quỹ được cấp cho các khách hàng thực hiện giao dịch ký quỹ. Khoản vay này có kỳ hạn ban đầu là 90 ngày, và trong năm khoản vay này chịu lãi suất là 0,028%/ngày cho hợp đồng năm tháng đầu của năm trăm khách hàng đầu tiên và 0,04%/ngày cho các hợp đồng khác và khoảng thời gian còn lại trong năm (2013: lần lượt là 0,028% và 0,04%). Khoản ký quỹ ban đầu và ký quỹ duy trì tối thiểu cho giao dịch ký quỹ là 50% và 35%.

8. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	6.916.051.597	8.088.757.528
Phải thu khác	217.692.052	267.065.570
	<hr/>	<hr/>
	7.133.743.649	8.355.823.098
	<hr/>	<hr/>

Trong các khoản phải thu khác có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Phi thương mại	104.163.525	79.626.125
	<hr/>	<hr/>

Các khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình

2014	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.514.235.007	4.455.869.359	11.970.104.366
Tăng trong năm	713.040.000	-	713.040.000
Số dư cuối năm	8.227.275.007	4.455.869.359	12.683.144.366
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.485.134.027	4.455.869.359	10.941.003.386
Khấu hao trong năm	551.579.026	-	551.579.026
Số dư cuối năm	7.036.713.053	4.455.869.359	11.492.582.412
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.029.100.980	-	1.029.100.980
Số dư cuối năm	1.190.561.954	-	1.190.561.954

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

9. Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

2013	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	9.287.038.425	4.455.869.359	13.742.907.784
Tăng trong năm	46.860.000	-	46.860.000
Xóa sổ	(1.395.636.795)	-	(1.395.636.795)
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(363.292.283)	-	(363.292.283)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(60.734.340)	-	(60.734.340)
Số dư cuối năm	7.514.235.007	4.455.869.359	11.970.104.366
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.432.477.814	4.455.869.359	11.888.347.173
Khấu hao trong năm	696.555.775	-	696.555.775
Xóa sổ	(1.395.636.795)	-	(1.395.636.795)
Phân loại lại sang chi phí trả trước ngắn hạn (*)	(237.054.225)	-	(237.054.225)
Phân loại lại sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(11.208.542)	-	(11.208.542)
Số dư cuối năm	6.485.134.027	4.455.869.359	10.941.003.386
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	1.854.560.611	-	1.854.560.611
Số dư cuối năm	1.029.100.980	-	1.029.100.980

(*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước ngắn hạn và Chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 11).

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 10.241.895.137 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 9.789.169.763 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính	
	2014 VND	2013 VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	7.484.375.340	10.723.811.049
Tăng trong năm	37.000.000	2.019.080.100
Thanh lý	-	(5.258.515.809)
Số dư cuối năm	7.521.375.340	7.484.375.340
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.863.253.588	6.612.843.593
Khấu hao trong năm	1.755.028.922	1.456.312.804
Thanh lý	-	(5.205.902.809)
Số dư cuối năm	4.618.282.510	2.863.253.588
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	4.621.121.752	4.110.967.456
Số dư cuối năm	2.903.092.830	4.621.121.752

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.236.980.729 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.151.543.729 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí hội viên câu lạc bộ chơi gôn VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
2014			
Số dư đầu năm	1.081.150.745	303.115.995	1.384.266.740
Tăng trong năm	-	705.478.331	705.478.331
Phân bổ trong năm	(31.187.041)	(702.708.370)	(733.895.411)
Số dư cuối năm	1.049.963.704	305.885.956	1.355.849.660
2013			
Số dư đầu năm	1.112.337.786	781.515.988	1.893.853.774
Tăng trong năm	-	51.250.000	51.250.000
Phân loại lại từ tài sản cố định (xem Thuyết minh 9)	-	49.525.798	49.525.798
Phân bổ trong năm	(31.187.041)	(579.175.791)	(610.362.832)
Số dư cuối năm	1.081.150.745	303.115.995	1.384.266.740

12. Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	1.567.158.026	865.992.296

Theo các Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch mỗi giới chứng khoán niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2,5 tỷ VND.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Biến động tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	865.992.296	408.599.012
Tiền ký quỹ bổ sung trong năm	611.855.316	413.277.696
Tiền lãi trong năm	89.310.414	44.115.588
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.567.158.026	865.992.296

13. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền ký quỹ thuê văn phòng	735.681.327	1.425.691.853
	<hr/>	<hr/>

14. Thuế phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân của nhân viên	170.287.586	252.989.194
Thuế thu nhập của nhà đầu tư	194.408.961	69.596.975
Các loại thuế khác	42.572.410	434.632
	<hr/>	<hr/>
	407.268.957	323.020.801

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

15. Chi phí phải trả

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền thưởng phải trả	718.897.188	735.017.439
Phí chuyên môn	246.500.000	165.000.000
Chi phí giao dịch chứng khoán	206.578.658	103.298.635
Chi phí thuê	-	30.665.000
Chi phí khác	162.450.869	140.365.951
	1.334.426.715	1.174.347.025

16. Các khoản phải trả khác

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	177.004.249	146.681.389
Phải trả cho các thẻ tín dụng	-	86.814.075
Các khoản phải trả khác	500.000	3.395
	177.504.249	233.498.859

17. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	38.425.579.888	56.083.771.227

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(25.429.638.289)	274.594.111.945
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(14.390.494.288)	(14.390.494.288)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(39.820.132.577)	260.203.617.657
Lỗi thuần trong năm	-	-	-	(4.775.686.920)	(4.775.686.920)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	300.000.000.000	11.875.117	11.875.117	(44.595.819.497)	255.427.930.737

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

20. Doanh thu khác

Doanh thu khác chủ yếu bao gồm khoản thu nhập tiền lãi từ tiền gửi tại ngân hàng với số tiền là 16.188.164.423 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (2013: 19.910.739.000 VND).

21. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 VND	2013 VND
Lỗ trước thuế	(4.775.686.920)	(14.390.494.288)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(1.050.651.122)	(3.597.623.572)
Chi phí không được khấu trừ thuế	96.806.365	155,840,471
	(953.844.757)	(3,441,783,101)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	953.844.757	3,441,783,101
	-	-

(b) Thuế suất áp dụng

Thuế suất thuế thu nhập của Công ty là 22%. Việc tính thuế thu nhập còn phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK****(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

31/12/2014		31/12/2013	
Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND	Lỗ tính thuế VND	Giá trị tính thuế VND
38.546.213.702	8.480.167.014	34.210.555.714	7.526.322.257

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với lỗ tính thuế không được ghi nhận vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản lỗ này.

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2015	Đã quyết toán	16.155.547.593
2016	Đã quyết toán	8.167.713.672
2018	Chưa quyết toán	13.767.132.405
2019	Chưa quyết toán	4.335.657.988
		<hr/>
		42.426.051.658
		<hr/>
Trừ đi lỗ tính thuế đã sử dụng		(3.879.837.956)
		<hr/>
Lỗ tính thuế còn hiệu lực		38.546.213.702
		<hr/>

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

22. Biến động các khoản phải thu

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Biến động		Số dư cuối năm		Dự phòng được lập VND
	Tổng VND	Nghi ngờ VND	Tăng VND	Giảm VND	Tổng VND	Quá hạn VND	
1. Trả trước cho người bán	29.472.979	-	186.709.600	216.182.579	-	-	-
2. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	29.838.766.305	-	757.357.799.023	761.448.506.259	25.748.059.069	-	-
3. Phải thu khác	8.355.823.098	-	16.622.481.153	17.844.560.602	7.133.743.649	-	-
	38.224.062.382	-	774.166.989.776	779.509.249.440	32.881.802.718	-	-

23. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Tổng Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay giao dịch ký quỹ của Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Không tính đến các tài sản đảm bảo, rủi ro tín dụng tối đa của Công ty tại ngày báo cáo như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (i)	121.395.994.155	150.109.510.786
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	132.300.000.000	120.000.000.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán (ii)	25.748.059.069	29.838.766.305
Phải thu khác	7.133.743.649	8.355.823.098
Tài sản tài chính khác	71.670.150	66.999.999
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	1.567.158.026	865.992.296
Tài sản dài hạn khác	735.681.327	1.425.691.853
	288.952.306.376	310.662.784.337

(i) Tiền gửi tại ngân hàng

Tiền gửi tại ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(ii) Các khoản phải thu

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng, chủ yếu bao gồm ứng trước cho khách hàng cho giao dịch chứng khoán và cho vay giao dịch ký quỹ, mà theo đó mỗi khách hàng sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn cho khách hàng đó. Khách hàng có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục cấp tín dụng. Công ty thiết lập chính sách này cũng yêu cầu giá trị tài khoản chứng khoán của khách hàng là khoản tài sản đảm bảo dựa trên kết quả đánh giá rủi ro tín dụng của việc cho vay giao dịch ký quỹ đối với từng khách hàng. Loại tài sản đảm bảo thường nhận là tiền gửi và chứng khoán. Tổng Giám đốc của Công ty theo dõi giá trị thị trường của các tài sản đảm bảo và sẽ yêu cầu thêm tài sản đảm bảo theo thỏa thuận, và theo dõi giá trị thị trường của tài sản đảm bảo thu được khi xem xét tính đầy đủ của dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu mà chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

Bảng phân tích tài sản đảm bảo cho các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị tổn thất như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	121.395.994.155	121.395.994.155
Đầu tư ngắn hạn khác	-	132.300.000.000	132.300.000.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	25.748.059.069	-	25.748.059.069
Phải thu khác	-	7.133.743.649	7.133.743.649
Tài sản tài chính khác	-	71.670.150	71.670.150
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	1.567.158.026	1.567.158.026
Tài sản dài hạn khác	-	735.681.327	735.681.327
	25.748.059.069	263.204.247.307	288.952.306.376

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	Đảm bảo VND	Không đảm bảo VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	150.109.510.786	150.109.510.786
Đầu tư ngắn hạn khác	-	120.000.000.000	120.000.000.000
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	29.838.766.305	-	29.838.766.305
Phải thu khác	-	8.355.823.098	8.355.823.098
Tài sản tài chính khác	-	66.999.999	66.999.999
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	-	865.992.296	865.992.296
Tài sản dài hạn khác	-	1.425.691.853	1.425.691.853
	29.838.766.305	280.824.018.032	310.662.784.337

Bảng bên dưới trình bày giá trị hợp lý của tài sản đảm bảo cho các khoản cho vay giao dịch ký quỹ:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng – Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	3.369.705.525	6.748.306.530
Chứng khoán niêm yết trên		
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	72.610.456.900	40.485.554.700
▪ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	13.285.866.000	21.069.616.000
	89.266.028.425	68.303.477.230

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Phải trả người bán	62.940.000	62.940.000	62.940.000
Chi phí phải trả	1.334.426.715	1.334.426.715	1.334.426.715
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	38.425.579.888	38.425.579.888	38.425.579.888
Các khoản phải trả khác	177.504.249	177.504.249	177.504.249
	40.000.450.852	40.000.450.852	40.000.450.852

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền chưa chiết khấu theo hợp đồng VND	Dưới 1 năm VND
Phải trả người bán	1.113.544.500	1.113.544.500	1.113.544.500
Chi phí phải trả	1.174.347.025	1.174.347.025	1.174.347.025
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	56.083.771.227	56.083.771.227	56.083.771.227
Các khoản phải trả khác	233.498.859	233.498.859	233.498.859
	58.605.161.611	58.605.161.611	58.605.161.611

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – CTCK****(i) Rủi ro tiền tệ**

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Rủi ro tiền tệ của Công ty chủ yếu phát sinh từ tiền và các khoản tương đương tiền có gốc bằng USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty có gốc bằng USD tương đương 3.415.932 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3.726.738 VND).

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau:

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.395.994.155	150.109.510.786
Các khoản đầu tư ngắn hạn	132.300.000.000	120.101.252.063
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán		
▪ Tạm ứng cho khách hàng	768.601.067	2.045.238.707
▪ Phải thu khác từ khách hàng	86.879.008	-
Tiền ký quỹ Quỹ Hỗ trợ Thanh toán	1.567.158.026	865.992.296
Phải trả người bán	(62.940.000)	(1.113.544.500)
	256.055.692.256	272.008.449.352
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán –		
Khoản cho vay ký quỹ	24.892.578.994	27.793.527.598
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(38.425.579.888)	(56.083.771.227)
	(13.533.000.894)	(28.290.243.629)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm tăng hoặc giảm 106 triệu VND lỗ thuần của Công ty (2013: 212 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(iii) Rủi ro giá thị trường khác

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, rủi ro về giá chứng khoán vốn của Công ty là rất nhỏ vì các khoản nắm giữ chứng khoán thương mại là không đáng kể.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:				
▪ Chứng khoán kinh doanh niêm yết	151.828.330	221.484.010	125.233.465	158.499.660
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
▪ Tiền và các khoản tương đương tiền	121.395.994.155	121.395.994.155	150.109.510.786	150.109.510.786
▪ Các khoản đầu tư ngắn hạn	132.300.000.000	(*)	120.101.252.063	(*)
▪ Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	32.881.802.718	(*)	38.194.589.403	(*)
▪ Tiền ký quỹ Quý Hỗ trợ Thanh toán	1.567.158.026	(*)	865.992.296	(*)
▪ Tài sản tài chính khác	807.351.477	(*)	1.492.691.852	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
▪ Các khoản đầu tư dài hạn	572.618.000	(*)	572.618.000	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
▪ Phải trả người bán	(62.940.000)	(*)	(1.113.544.500)	(*)
▪ Chi phí phải trả	(1.334.426.715)	(*)	(1.174.347.025)	(*)
▪ Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	(38.425.579.888)	(*)	(56.083.771.227)	(*)
▪ Nợ phải trả tài chính khác	(177.504.249)	(*)	(233.498.859)	(*)

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của chứng khoán thương mại niêm yết được xác định bằng cách tham khảo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tại ngày lập báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh 8 của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2014 VND	2013 VND
Công ty Mirae Asset Securities Co., Ltd., – công ty mẹ cấp trung gian		
Doanh thu môi giới chứng khoán	32.623.112	8.972.608
Công ty Mirae Asset Global Investment Co. Ltd – công ty liên quan		
Doanh thu môi giới chứng khoán	447.899.159	529.141.477
Công ty Mirae Asset EXIM Investments Limited – công ty liên quan		
Doanh thu lưu ký chứng khoán	271.830.413	278.908.949
Công ty TNHH Mirae Asset Realty (Việt Nam) – công ty liên quan		
Chi hộ	24.537.400	25.594.400
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương và các lợi ích khác	3.484.810.689	5.044.205.814
Ban Giám đốc		
Lương và các lợi ích khác	4.250.916.657	8.561.939.788

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – CTCK

25. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	664.414.320	1.068.785.614

Các khoản thanh toán thuê hoạt động phản ánh khoản tiền phải trả để thuê văn phòng của Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh với khoản tiền thuê trung bình hàng tháng là 190.175.440 VND và Hà Nội với khoản tiền thuê trung bình hàng tháng là 46.944.000 VND. Theo thỏa thuận thì các hợp đồng thuê này có thời hạn từ 4 đến 5 năm. Khoản tiền thuê phải trả cố định trong suốt thời gian thuê

Ngày 24 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Bà Nguyễn Hồng Quyên
Kế toán viên

Người duyệt:

Bà Ngô Thanh Thủy
Kế toán trưởng

Ông Woo Young Ki
Tổng Giám đốc

100

)

100